|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẮC NINH****¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ 19****KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Môn: Địa lí****Thời gian làm bài: 50 phút****¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯** |  |  |

**\* Giáo viên ra đề: Đỗ Thị Hồng Khuyến**

**Đơn vị công tác:THPT Lý Thường Kiệt**

**\* Giáo viên thẩm định:** Lê Thị Hiền

**\*Đơn vị công tác: THPT Nguyễn Trãi**

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

03967522 SẢN LƯỢNG LÚA CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| In-đô-nê-xi-a | 75397,8 | 81148,6 | 54649,2 | 54415,3 | 57449,8 |
| Việt Nam | 45215,7 | 42763,7 | 42301,1 | 43878,1 | 43543,7 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sản lượng lúa của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2021?

**A.** In-đô-nê-xi-a giảm chậm hơn Việt Nam. **B.** Việt Nam giảm chậm hơn In-đô-nê-xi-a.

**C.** Việt Nam giảm nhiều hơn In-đô-nê-xi-a. **D.** Việt Nam giảm còn In-đô-nê-xi-a tăng.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nơi nào sau đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn trên 200C?

 **A.** Hà Nội. **B.** Sa Pa. **C.** Nha Trang. **D.** Đồng Hới.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy điện nào sau đây là thủy điện?

**A.** Ninh Bình. **B.** Phả Lại. **C.** Na Dương. **D.** Cửa Đạt.

**Câu 44:** Ngành công nghiệp sản xuất rượu, bia, nước ngọt của nước ta phân bố tập trung ở

**A.** khu vực đồi núi. **B.** gần các cửa khẩu. **C.** khu vực cảng biển. **D.** các đô thị lớn.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG SẮN CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ THÁI LAN NĂM 2015 VÀ 2020

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng sắn In-đô-nê-xi-a và Thái Lan ?

**A.** Thái Lan tăng, In-đô-nê-xi-a giảm. **B.** Thái Lan giảm, In-đô-nê-xi-a tăng.

**C.** In-đô-nê-xi-a giảm nhiều hơn Thái Lan. **D.** In-đô-nê-xi-a giảm chậm hơn Thái Lan.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế cửa khẩu?

**A.** Quảng Ngãi. **B.** Thái Nguyên. **C.** Lạng Sơn. **D.** Ninh Thuận.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Long An. **B.** Tây Ninh. **C.** Đồng Tháp. **D.** Bình Dương.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

**A.** Sông Thương **B.** Sông Lục Nam. **C.** Sông Đà. **D.** Sông Thu Bồn.

**Câu 49:** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

 **A.** giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến. **B.** số lượng ngành còn kém đa dạng.

 **C.** ưu tiên các sản phẩm cạnh tranh thấp. **D.** nổi lên một số ngành trọng điểm.

**Câu 50:** Biện pháp cơ bản để khai thác theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

**A.** thu hút đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm. **B.** chuyển đổi và đa dạng hóa cơ cấu kinh tế.

**C.** mở rộng thị trường, áp dụng khoa học kĩ thuật. **D.** đẩy mạnh đầu tư vốn, khoa học công nghệ.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết mũi Kê Gà thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Ninh Thuận. **B.** Khánh Hòa. **C.** Quảng Nam. **D.** Bình Thuận.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết nước khoáng có ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Hà Tĩnh. **B.** Quảng Bình. **C.** Nghệ An. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 6 đi qua địa điểm nào sau đây?

**A.** Hà Giang. **B.** Lào Cai. **C.** Mộc Châu. **D.** Nghĩa Lộ.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch Phủ Giầy thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

**A.** Nam Định. **B.** Ninh Bình. **C.** Hà Nội. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở đồng bằng sông Hồng có giá trị sản xuất trên 120 nghìn tỉ đồng?

**A.** Bắc Ninh. **B.** Hải Phòng. **C.** Hà Nội. **D.** Hải Dương.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Ninh Thuận. **B.** Khánh Hòa. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Bình Định.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Biên Hòa. **B.** Gia Nghĩa. **C.** Phan Thiết. **D.** Cao Lãnh.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với tỉnh Khánh Hòa ở phía Bắc?

**A.** Ninh Thuận. **B.** Phú Yên. **C.** Nghệ An. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

**A.** Đông Triều. **B.** Ngân Sơn. **C.** Cai Kinh. **D.** Hoành Sơn.

**Câu 60:** Biện pháp bảo vệ đất trồng của nước ta chủ yếu là

**A.** tăng diện tích. **B.** chống bão. **C.** chống bạc màu. **D.** ngăn lũ quét.

**Câu 61:** Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

 **A.** Lũ quét. **B.** Cát bay. **C.** Lụt úng. **D.** Ngập mặn.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm?

**A.** Tuyên Quang. **B.** Hà Giang. **C.** Bắc Giang. **D.** Kiên Giang.

**Câu 63:** Chăn nuôi của nước ta hiện nay

 **A.** đã đem lại hiệu quả sản xuất rất cao. **B.** hoàn toàn dùng thức ăn từ tự nhiên.

 **C.** tạo ra được các sản phẩm hàng hóa. **D.** chỉ phát triển ở khu vực đồng bằng.

**Câu 64:** Hoạt động nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay

**A.** chỉ nuôi theo hình thức quảng canh. **B.** chiếm tỉ trọng ngày càng thấp.

**C.** chỉ nuôi ở môi trường nước ngọt. **D.** áp dụng kỹ thuật nuôi công nghiệp.

**Câu 65:** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay

**A.** làm tăng mạnh tỉ trọng kinh tế Nhà nước. **B.** tăng cao tỉ trọng công nghiệp khai khoáng.

**C.** đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước. **D.** hình thành các khu công nghiệp tập trung.

**Câu 66:** Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

**A.** đẩy mạnh công nghiệp hóa, thu hút đầu tư. **B.** tăng cường hiện đại hóa, mở rộng dịch vụ.

**C.** phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hóa. **D.** khai thác các thế mạnh, tăng trưởng kinh tế.

**Câu 67:** Các huyện đảo của nước ta

 **A.** là nơi có nhiều loại khoáng sản. **B.** phân bố không đều ở các vùng.

 **C.** chỉ duy nhất phát triển chăn nuôi. **D.** là các trung tâm công nghiệp lớn.

**Câu 68:** Nước ta nằm trong khu vực gió mùa nên

**A.** Tín phong hoạt động quanh năm. **B.** khí hậu có sự phân hóa mùa rõ rệt.

**C.** có tài nguyên sinh vật rất đa dạng. **D.** tài nguyên khoáng sản phong phú.

**Câu 69:** Phát biểu nào sau đây đúng với đô thị hóa ở nước ta hiện nay?

**A.** Tỉ lệ dân thành thị tăng chậm. **B.** Cơ sở hạ tầng đô thị hiện đại.

**C.** Đô thị hóa diễn ra rất nhanh. **D.** Phân bố đô thị đều theo vùng.

**Câu 70:** Hoạt động giao thông vận tải biển của nước ta hiện nay

**A.** chỉ phát triển ở miền Bắc. **B.** năng lực vận chuyển tăng.

**C.** chỉ vận chuyển trong nước. **D.** chưa có các cảng nước sâu.

**Câu 71:** Giải pháp chủ yếu để phát triển chăn nuôi hiện nay ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** sử dụng nhiều giống mới, kiên cố hoá chuồng trại, phát triển công nghiệp chế biến.

**B.** đa dạng hoá cơ sở thức ăn, nâng cao trình độ người lao động, mở rộng thị trường.

**C.** thu hút các nguồn đầu tư, tăng quy mô trang trại, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

**D.** đầu tư cơ sở vật chất, phát triến giao thông vận tải, nâng cao chất lượng thức ăn.

**Câu 72:** Tỉ trọng hàng nội địa và hàng xuất khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do

**A.** sản xuất trong nước phát triển, chính sách đẩy mạnh xuất khẩu.

**B.** nguồn tài nguyên thiên cho quá trình sản xuất phong phú, đa dạng.

**C.** nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất, giàu có nguyên liệu.

**D.** đẩy mạnh việc xuất khẩu, khai thác nguồn khoáng sản, thủy sản.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta, giai đoạn 2017 - 2021:

0396752282 

0396752282 *(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu diện tích và sản lượng. **B.** Tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng.

**C.** Quy mô diện tích và sản lượng. **D.** Sự thay đổi cơ cấu diện tích và sản lượng.

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** thu hút vốn đầu tư, khai thác hiệu qủa các loại nguồn lực.

**B.** tạo việc làm, thu hút nhiều lao động từ các vùng khác tới.

**C.** bảo quản tốt nông sản, đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu.

**D.** phát triển sản xuất hàng hoá, ổn định vùng chuyên canh.

**Câu 75:** Tác dụng chủ yếu của việc thu hút đầu tư nước ngoài ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** thúc đẩy hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất.

**B.** tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

**C.** tạo điều kiện để nâng cao vị thế của vùng so với cả nước.

**D.** giải quyết vấn đề hạn chế nguồn tài nguyên, năng lượng.

**Câu 76:** Tình trạng xâm nhập mặn gia tăng trong mùa khô ở Đồng bằng Sông Cửu Long chủ yếu do

**A.** nhiều cửa sông, có ba mặt giáp biển, có nhiều vùng trũng rộng lớn.

**B.** ba mặt giáp biển, địa hình thấp, sông ngòi và kênh rạch chằng chịt.

**C.** nhiều vùng trũng rộng lớn, có ba mặt giáp biển, địa hình đa dạng.

**D.** sông ngòi dày đặc, địa hình thấp, giáp biển, nguồn nước ngọt giảm.

**Câu 77:** Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồnglà

**A.** góp phần hiện đại hoá sản xuất và bảo vệ môi trường.

**B.** tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.

**C.** hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.

**D.** phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.

**Câu 78:** Mục đích chủ yếu của việc đầu tư phát triển các cửa khẩu ở Bắc Trung Bộ là

 **A**. đẩy mạnh xuất khẩu, phân bố lại dân cư, giải quyết việc làm cho nhiều lao động.

 **B**. tăng cường hợp tác, chuyển dịch cơ cấu ngành, thúc đẩy sự phân công lao động.

 **C**. mở rộng thị trường, tăng cường trao đổi hàng hoá, thúc đẩy phát triển kinh tế.

 **D**. thu hút các nguồn vốn, phát triển kinh tế biên giới, hình thành nhiều đô thị mới.

**Câu 79:** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có biên độ nhiệt độ năm lớn chủ yếu do tác động của

**A.**  thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí nằm cách xa vùng xích đạo.

**B.** vị trí nằm gần chí tuyến, gió mùa hạ, thời gian mặt trời lên thiên đỉnh.

**C.** gió mùa Tây Nam, thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, nằm gần chí tuyến.

**D.**  Tín Phong bán cầu bắc, Thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, xa xích đạo.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

0396752282 LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾỞ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015- 2021

 *(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Kinh tế Nhà nước | 4779,9 | 4595,4 | 4226,2 | 4098,4 | 3951,7 |
| Kinh tế ngoài Nhà nước | 45132,8 | 44905,4 | 45664,6 | 44777,4 | 40534 |
| Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 3197,8 | 4207,8 | 4768,4 | 4733,8 | 4586,3 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.** Đường.

**----------HẾT----------**

- *Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam.*

- *Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*.